

Bản án số: 105/2017/HSPT

Ngày: 20-10-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Quang Dũng.
2. Ông Bạch Đăng Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Phùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 19 và 20 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 125/2017/HSPT ngày 24/8/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 47/2017/HSST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: Nguyễn Văn Q, tên gọi khác: Không có; sinh năm 1974 tại thị trấn Đ, huyện L; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; số chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn D (đã chết), con bà Đồng Thị T (đã chết); có vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1974 hiện tại hai vợ chồng đã ly hôn; bị cáo có hai con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008); Tiền án: Tại Bản án số 35/2010/HSST ngày 23/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện L, xử phạt Nguyễn Văn Q 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng 8 ngày kể từ ngày tuyên án; Tại Bản án số 15/2012/HSST ngày 28/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện L, xử phạt Nguyễn Văn Q 54 tháng tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp 12 tháng tù tại Bản án số 35/2010/HSST ngày 23/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện L, buộc Nguyễn Văn Q phải chấp hành hình phạt chung là 66 tháng tù, thời hạn tù, tính từ ngày 12/12/2011. Ngày 20/4/2016, Nguyễn Văn Q chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang; có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo:

1. Bà Giáp Thị H- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Bà Võ Thị An B- Luật sư Văn phòng luật sư A, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt

* Những người tham gia tố tụng:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trịnh Hùng T- sinh năm: 1973. Có mặt.

Trú tại: Thôn T 2, xã T , huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Bá C- sinh năm: 1954. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị T- sinh năm : 1969. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Thái Văn D- Phó trưởng công an xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 17/KSĐT ngày 06/3/2017 của VKSND huyện L và bản án hình sự sơ thẩm số 47/2017/HSST ngày 17/7/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 27/10/2016, khi Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974, trú tại thôn T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang đứng ở khu vực ngã tư T thuộc phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang thì có gặp anh Trịnh Hùng T, sinh năm 1973, trú tại thôn T 2, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. T khai do có quen biết Q từ trước, T đã rủ Q đi uống bia, Q đồng ý. Q và T vào quán bia nhà ông Lê Văn T, sinh năm 1967 ở phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang để uống bia. Tại đây T và Q có gặp anh P ở thôn S, xã B, huyện L. Trong quá trình uống bia, T rủ Q và P đi lên xã T uống rượu, P nói không uống được rượu nên không đi chỉ có Q đồng ý đi. T đã gọi xe taxi của anh Lê Văn T, sinh năm 1975, trú tại thôn H, xã T, huyện L đang ở gần đó chở T và Q đến quán cơm ở gần cổng UBND xã T, huyện L để ăn, uống rượu. Sau khi ăn uống xong, T rủ Q đến nhà nghỉ H ở thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang để cùng nhau sử dụng ma túy đá, ban đầu Q bảo lên R, xã C sử dụng cho an toàn nhưng T bảo ở nhà nghỉ H có gái xinh lắm, Q đã đồng ý. T tiếp tục gọi xe ô tô taxi của anh T đến để chở đi. T bảo Lê Văn T chở ra khu vực cánh đồng của thôn T 2, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và đỗ ở trên đường, T và Q đi bộ vào một lều trồng cá của gia đình nhà T. Tại đây, T bỏ ra một túi ma túy đá và cùng

Q san ra một túi nilon màu trắng, sau khi san xong, Q cầm túi ma túy vừa san và lấy một túi bóng màu đỏ hồng loại mỏng tại lều cá quân và buộc túi ma túy lại rồi cầm đi ra xe ô tô taxi của Lê Văn T, Trịnh Hùng T lấy bộ đồ để sử dụng ma túy gồm cóong bằng thủy tinh, nắp chai và các ống hút đi ra sau. Khi ra đến xe T bảo Lê Văn T chở đến nhà nghỉ H, quá trình đi Q là người cất giữ, quản lý túi ma túy còn T cầm túi đồ để sử dụng ma túy. Khi đến nhà nghỉ H, T đi trước vào hỏi thuê phòng và sau đó cùng Q vào phòng 02 tầng 2 của nhà nghỉ. Tại đây, T bỏ bộ đồ sử dụng ma túy ra và bảo Q cho ma túy vào “nấu” để cùng sử dụng thì Q bảo phải có gái mới sử dụng. T xuống quầy lễ tân lấy mấy chai nước để sử dụng, lúc này Q cầm túi ma túy dẫu vào rìa chiếc ghế để ở góc sát phòng vệ sinh trong phòng nghỉ và sau đó đi xuống phòng lễ tân. Khi T lên phòng thì không thấy Q ở phòng nữa, T tìm Q thì Q nói cho T biết túi ma túy dẫu ở rìa ghế góc phòng sát cửa phòng vệ sinh sau đó Q đi bộ về không sử dụng ma túy nữa. T thấy Q không sử dụng ma túy nữa nên bản thân cũng không sử dụng mà lấy túi ma túy cùng dụng cụ sử dụng ma túy và gọi xe taxi của Lê Văn T đến chở đi về nhà. Trên đường T đi xe taxi về thì gặp Q đang đi bộ ở đoạn gần khu vực nghĩa trang liệt sỹ xã C thuộc thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. T bảo anh Lê Văn T đỗ xe lại và T xuống xe đi đến gặp Q và bảo quay lại nhà nghỉ để sử dụng ma túy, Q không đồng ý và bảo đưa ma túy đây để Q chơi, T đã đưa túi ma túy cho Q cầm và sau đó giữa Q và T xảy ra xô sát, nghi ngờ cãi chửi nhau, ru đẩy nhau dẫn đến Q bị ngã ra đường, thì bị tổ công tác Công an huyện L đến kiểm tra phát hiện tại túi quần bên phải phía trước đang mặc của Q có túi nilon bên ngoài bọc màu đỏ hồng, bên trong là túi nilon màu trắng trong có chất màu trắng nghi là ma túy, tổ công tác tiến hành bắt giữ Q. Thấy có lực lượng công an đến kiểm tra, lợi dụng sơ hở T vứt túi đựng đồ sử dụng ma túy xuống đường ở ngay tại đó và đã nhanh chóng lên xe taxi đi về.

Hồi 14 giờ 15 phút ngày 27/10/2016, tổ công tác Công an huyện L đã lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn Q tại khu vực nghĩa trang liệt sỹ, cạnh Quốc lộ 31 thuộc thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang trên người Q gồm: 01 túi nilong màu hồng đỏ buộc túm, bên trong có một túi nilon màu trắng được hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng thu tại túi quần bên trái phía trước; 01 điện thoại di động màu trắng có chữ BMW, đã mất nắp pin phía sau và số tiền 20.000đ; thu tại mặt đất gần nơi bắt giữ Q gồm: Một vỏ bao thuốc lá thẳng long màu vàng, bên trong đựng 01 cóng thủy tinh quán bằng giấy trắng; 01 túi nilon màu hồng đỏ bên trong đựng 01 nắp chai nhựa màu xanh có đục 2 lỗ, mỗi lỗ được gắn các đoạn ống nhựa nối với nhau, cụ thể: một ống gồm 02 ống màu xanh và xanh nhạt nối nhau, một ống gồm 2 ống màu xanh nhạt và màu đỏ nối nhau và 02 đoạn ống nhựa màu xanh; 02 đoạn ống nhựa màu cam rời riêng lẻ. Quá trình bắt giữ quả tang Nguyễn Văn Q, tổ công tác Công an huyện L có ghi âm, ghi hình ảnh để làm căn cứ xử lý. Ngay sau khi bắt giữ, tổ công tác Công an huyện L đã tiến hành niêm phong túi nilon màu trắng được hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng vào phong bì thư ký hiệu là “QT”, quá trình bắt quả tang và niêm phong vật chứng Nguyễn Văn Q không chấp hành việc bắt giữ, không ký vào các biên bản bắt và niêm phong.

Ngày 28/10/2016, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chất ma túy, trọng lượng chất ma túy đối với vật chứng thu giữ được niêm phong ở trên. Tại bản kết luận giám định số: 1262/KL-PC54 ngày 28/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Trong 01 phong bì thư ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định: *Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nilon màu trắng được hàn kín là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng 0,346 gam.*

Sau khi giám định xong, Phòng kỹ thuật hình sự đã hoàn lại mẫu vật sau giám định: Một túi nilon đựng 0,313 gam tinh thể màu trắng. Toàn bộ được niêm phong lại bằng dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và có chữ ký của giám định viên.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Q khai nhận túi nilon ma túy thu giữ không phải là của Q mà là của Trịnh Hùng T, Q chỉ cầm hộ T từ lều trông cá của T ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang ra xe tô taxi và đậu ở ghé để xe của ô tô đi đến nhà nghỉ H. Tại nhà nghỉ H, Q có cầm túi nilon ma túy từ giường dầu vào rìa ghế ở góc tường sát cửa phòng vệ sinh trong phòng nghỉ và khi bị bắt quả tang, bị cáo không biết túi ma túy đó lại ở trong túi quần. Ngày 25/12/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành cho Nguyễn Văn Q thực nghiệm lại toàn bộ quá trình cầm và cất giấu ma túy.

Nguyễn Văn Q đã có tiền án về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” nhưng chưa được xóa án tích nên ngày 30/10/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn Q không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tại bản Cáo trạng số 17/KSĐT ngày 06/3/2017 của VKSND huyện L, tỉnh Bắc Giang đã truy tố Nguyễn Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Tại thủ tục xét hỏi, Kiểm sát viên đọc bản Cáo trạng để truy tố bị cáo ra trước tòa, cũng như tranh luận, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đã rút một phần quyết định truy tố từ điểm p khoản 2 Điều 194 xuống khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2017/HSST ngày 17/7/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/10/2016. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Ngoài ra bản án còn giải quyết xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 19/7/2017 bị cáo nộp đơn kháng cáo đến TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang (tiếp nhận ngày 27/7/2017). Nội dung kháng cáo của bị cáo là đề nghị cấp phúc thẩm xem xét việc cấp sơ thẩm xử bị cáo 24 tháng tù là quá nặng, không công bằng.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn Q thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo kêu oan. Lý do: Bị cáo đã biết tác hại của ma túy nên có ý thức chủ động phối hợp cung cấp thông tin cho cơ quan công an để phòng chống tội phạm. Bị cáo không có quen biết gì anh T, anh T chủ động gặp và rủ bị cáo uống rượu và đi chơi gái. Sự việc hôm đó là do bị cáo gọi điện báo Công an đến bắt anh T nhưng không hiểu vì sao lại bắt bị cáo, ma túy là của anh T, khi bị cáo và anh T cãi nhau anh T đánh ngất bị cáo, tỉnh dậy thấy bị công an bắt và khám xét thu ma túy. Ma túy do ai đó vứt xuống đất chỗ bị cáo đứng, không phải thu trong túi quần của bị cáo.

Anh T trình bày: Có biết bị cáo vì mấy năm trước có mua ma túy của bị cáo để sử dụng. Hôm 27/10/2016 có gặp và rủ bị cáo đi uống rượu, sau đó hỏi bị cáo có chơi ma túy đá thì cho. Ma túy do bạn cho khi ra tù nhưng không sử dụng đến nên cho bị cáo. Khi đến nhà nghỉ H thì bị cáo lại bỏ về không chơi nữa nên anh cũng đi về. Trên đường gần nghĩa trang C thì gặp bị cáo có gọi lên xe ô tô và đưa gói ma túy cho bị cáo sử dụng. Sau đó bị cáo xuống xe bảo vào nhà người quen để chơi ma túy. Tôi có xuống xe và xảy ra nghi ngờ bị cáo báo công an nên xảy ra xô xát với bị cáo. Thấy bị cáo kêu la ầm ĩ nên tôi đã bỏ lên xe đi về, khi đó bị cáo vẫn đứng ở rìa đường. Sự việc công an bắt bị cáo thế nào thì không được chứng kiến cụ thể.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp cho TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 15 ngày sau khi tuyên án nên được coi là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm cho bị cáo. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 248- BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2017/HSST ngày 17/7/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Để làm rõ hơn căn cứ kết tội đối với bị cáo đề nghị xác minh làm rõ thêm việc anh T khai ở nhà nghỉ được nhân viên bảo

bị cáo Q đã gọi điện báo công an nên đã đuổi theo bị cáo. Bị cáo không có ý thức sử dụng ma túy, đã báo công an về việc anh T có ma túy, bị cáo đã gặp công an trước nhà nghỉ nên không có lý do khi gặp lại anh T lại cầm ma túy anh T đưa cho. Lời khai của anh T có mâu thuẫn và không phù hợp với diễn biến tâm lý vì anh T đã biết ma túy là bị cấm, đã được nghe nói bị cáo báo công an nhưng vẫn cầm ma túy đi gặp để đưa cho bị cáo sử dụng.

- Anh T trình bày: Không chấp nhận quan điểm của Luật sư vì chỉ nghi ngờ bị cáo báo công an nên mới gặp bị cáo để nói chuyện. Khi đó bị cáo còn nói thích thì chơi ma túy công khai ngay tại đường cho xem, không sợ ai cả. Bị cáo bảo đưa ma túy cho bị cáo để vào nhà anh C gì đó để chơi. Nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát.

- Bị cáo tranh luận: Bị cáo cho rằng việc kết tội là không có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 27/7/2017 theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Q và kháng cáo kêu oan của bị cáo, HĐXX thấy: Trong quá trình xét xử cấp sơ thẩm đã có một số vi phạm về tố tụng như sau:

- Biên bản hỏi cung bị can thể hiện do điều tra viên Nguyễn Văn H tiến hành nhưng không có chữ ký của điều tra viên mà chỉ có chữ ký của cán bộ điều tra (Bút lục 57-60) là vi phạm Điều 131- Bộ luật tố tụng hình sự.

- Biên bản hỏi cung bị can có sự sửa chữa ngày tháng mà không có giải thích, xác nhận của những người tham gia làm việc (Bút lục 55, 57) là vi phạm Điều 132 - Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tài liệu là đĩa DVD ghi lại diễn biến quá trình bắt quả tang bị cáo nhưng lại không thể hiện nguồn gốc của tài liệu được ghi lại từ phương tiện nào, có đúng bản gốc không? Có bị sửa chữa, cắt ghép hay không?

- Bị cáo không thừa nhận tàng trữ ma túy, bị bắt từ ngày 27/10/2016 nhưng đến ngày 10/12/2016 CQĐT mới xác minh tại chính quyền địa phương bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Ngày 24/01/2017 có kết luận điều tra mới giải thích quyền được trợ giúp pháp lý cho bị cáo. Như vậy không đảm bảo quyền được trợ giúp pháp lý cho bị can trong giai đoạn điều tra, vi phạm điểm b, điểm e khoản 1, Điều 49- Bộ luật tố tụng hình sự.

- Anh T khai đưa gói ma túy cho bị cáo Q ở trên xe ô tô, bị cáo khai không lên xe ô tô, anh Lê Văn T ban đầu khai bị cáo không lên xe ô tô sau đó thay đổi lời khai là bị cáo có lên xe ô tô nhưng không hỏi rõ anh T lý do thay đổi lời khai. Lời khai của bị cáo Q và lái xe Lê Văn T có mâu thuẫn về việc Q có lên xe ô tô hay không nhưng không được tiến hành đối chất để làm rõ là vi phạm quy định tại Điều 138- Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo khai ở nhà nghỉ H mới biết gói bột trắng là ma túy còn trước đó tưởng là thuốc kích dục vì anh T rủ đi chơi gái mại dâm. Để có cơ sở xác định rõ việc bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy cần làm rõ một số nội dung sau:

+ Làm rõ ý thức chủ quan của bị cáo biết gói ma túy bị thu giữ từ thời điểm nào?

+ Bị cáo khai không có mục đích sử dụng ma túy, vì nếu muốn sử dụng thì đã sử dụng tại nhà nghỉ rồi. Khi thấy anh T bảo đó là ma túy bị cáo đã bỏ về và gọi điện thoại báo cho cán bộ công an tên là X đội phó đội cảnh sát ma túy đến xử lý. Tại phiên tòa tổ trưởng tổ công tác có trình bày là nhận được chỉ đạo của đồng chí X về việc có đối tượng có dấu hiệu vi phạm nên tổ chức kiểm tra. Cần làm rõ việc bị cáo có gọi điện thông báo cho anh X hay không?

+ Bị cáo khai bị anh T đánh bị ngã xuống đường, ngất đi một lúc khi tỉnh lại đã thấy bị công an bắt giữ, việc này chưa được làm rõ có hay không.

+ Anh T khai biết bị cáo báo công an qua nhân viên nhà nghỉ H thông báo cho biết. Sau đó anh T vẫn cầm ma túy gọi xe taxi đuổi theo bị cáo để đưa ma túy cho bị cáo sử dụng và trách móc bị cáo dẫn đến giằng co xô đẩy nhau. Cần làm rõ có việc nhân viên nhà nghỉ bảo anh T như vậy không? Nếu không thì tại sao anh T lại biết là bị cáo báo công an đến xử lý anh?

+ Bị cáo khai bị cán bộ công an đánh đập, ép cung và bắt ký khống vào giấy trắng có cán bộ tên N biết, việc này cần làm rõ có hay không?

+ Bị cáo khai có anh tên là T (hiện đang giam giữ cùng buồng với bị cáo về tội Cướp tài sản) có chứng kiến từ đầu việc công an bắt bị cáo và có dùng điện thoại quay lại nhưng đã bị cán bộ công an đến nhà bắt xóa clip đó. Vậy nội dung này có hay không, anh T đã chứng kiến việc bắt giữ như thế nào?

+ Bị cáo khai không nhận ma túy anh T đưa, anh T khai mang ma túy từ nhà nghỉ đuổi theo đưa cho bị cáo, vậy có ai chứng kiến việc đưa ma túy này không?

Những vấn đề trên cấp phúc thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa được.

Do đó HĐXX phúc thẩm căn cứ nội dung kháng cáo của bị cáo, đề nghị của người bào chữa, quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 248 và khoản 1, Điều 250-Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận và bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 và điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 248 và khoản 1, Điều 250-Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 47/2017/HSST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang điều tra lại theo quy định của pháp luật.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 và điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng